TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Lý Thị Thiên Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hảo T; nơi ĐKHKTT: Số 2/81 đường C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 12/32 tổ 2 xóm T, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đặng Đức N; nơi cư trú: Số 9/81 đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Trần Thị Hảo T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Đức N chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và chị T, anh N không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Quá trình chung sống, chị T và anh N sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2000 cho đến nay, chị T và anh N đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Đặng Đức N là vợ chồng.

Về việc nuôi con: Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N xác nhận có một con chung là Đặng Minh Thuý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1998, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Đặng Đức N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đức N xác nhận anh và chị Trần Thị Hảo T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không phù hợp. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh N nên anh đồng ý với yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

Về việc nuôi con: Anh Đặng Đức N xác nhận giữa anh và chị Trần Thị Hảo T có một con chung là Đặng Minh Thuý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1998, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Đặng Đức N xác nhận giữa anh và chị Trần Thị Hảo T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Hảo T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, tại hồ sơ đã có lời khai phù hợp với đơn khởi kiện, Tòa án công bố bản tự khai của chị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đặng Đức N.

Bị đơn anh Đặng Đức N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như bản tự khai, quá trình giải quyết tại Toà án và đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Đặng Đức N cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 29 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án; đến ngày 10 tháng 8 năm 2018, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[3] Nguyên đơn chị Trần Thị Hảo T và bị đơn anh Đặng Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[4] Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, chị T và anh N cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[5] Quá trình chung sống chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm lối sống không có sự thông cảm, chia sẻ. Tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng và đã

sống ly thân từ năm 2000 cho đến nay không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Xét, mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Không công nhận chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[6] Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N có một con chung là Đặng Minh Thuý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1998, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[7] Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Hảo T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các điều 14, 15, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N.

2. Về việc nuôi con: Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N có một con chung là Đặng Minh Thuý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1998. Hiện con Đặng Minh Thuý đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hảo T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014637 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Hảo T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị Hảo T và anh Đặng Đức N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng